

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;

- Tiến độ thi công;

- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);

- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bim Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|------------------|
| 1.1. Đối với các vật tư, vật liệu chính: - Vật liệu xây dựng: Xi măng, cát, đá dăm các loại, thép hình, thép tròn, bê tông thương phẩm, bê tông nhựa, Nhũ tương, bó vỉa giả đá, gạch xây, gạch bê tông giả đá... - Vật liệu: ống cống BTCT, cột đèn chiếu sáng, cáp điện các loại, bóng đèn, khung chắn rác composite, cây xanh... | Có bảng thống kê đầy đủ vật tư, vật liệu chính sử dụng cho gói thầu, nêu rõ nguồn gốc xuất xứ, yêu cầu kỹ thuật cơ bản, đáp ứng yêu cầu của Chương V. Có hợp đồng nguyên tắc hoặc tài liệu chứng minh khả năng huy động vật tư, vật liệu và đảm bảo về nguồn gốc, chất lượng của vật liệu huy động. | Đạt |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 1.2. Thí nghiệm vật liệu đầu vào, thí nghiệm hiện trường | Có năng lực thí nghiệm vật liệu đầu vào, thí nghiệm hiện trường hoặc tài liệu chứng minh khả năng huy động phục vụ cho công tác thí nghiệm kèm tài liệu chứng minh. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

2. Tổ chức bộ máy quản lý trên công trường:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|-----------|
| 2.1. Có sơ đồ hệ thống tổ chức bộ máy quản lý trên công trường, kèm thuyết minh trách nhiệm của từng bộ phận. | Có sơ đồ hệ thống tổ chức bộ máy quản lý trên công trường, kèm thuyết minh trách nhiệm của từng bộ phận và nhân sự chủ chốt. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |

| | | |
|-----------------|--|------------------|
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

3. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|------------------|
| 3.1. Thuyết minh và bản vẽ bố trí tổng mặt bằng tổ chức thi công phù hợp với mặt bằng thực tế công trình. | Có thuyết minh và bản vẽ thể hiện vị trí lán trại, bố trí lán trại đầy đủ, khả thi phù hợp với mặt bằng thực tế của công trình. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| 3.2. Thuyết minh đầy đủ các giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công các công tác chính theo hồ sơ thiết kế, bao gồm các công việc chính như sau: - Đường giao thông; san nền; - Cây xanh; - Cống thoát nước; - Kè chắn đất; - Cấp nước, PCCC; - Cấp điện, điện chiếu sáng. | Có thuyết minh đầy đủ giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công hợp lý, khả thi cho các công tác theo yêu cầu, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của chương V. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| 3.3. Bản vẽ biện pháp thi công các công tác chính theo mục 3.2 | Có đầy đủ bản vẽ cho các hạng mục, thể hiện rõ ràng, cụ thể biện pháp thi công, phù hợp với công trình. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| 3.4. Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông, đảm bảo giao thông lưu thông cho người dân trong quá trình thi công. | Có biện pháp hợp lý, khả thi, phù hợp với điều kiện cụ thể của công trình kèm bản vẽ minh họa. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

4. Tiến độ thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|-----------|
| 4.1. Thời gian thực hiện gói thầu: đảm bảo thời gian thực hiện gói thầu không quá 270 ngày. | Đề xuất thời gian thực hiện gói thầu không vượt quá 270 ngày và cam kết đảm bảo tiến độ. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| 4.2. Biểu đồ tiến độ thi công, biểu đồ huy động nhân lực, theo các công tác chính trong mục 3.2 | Có Biểu đồ tiến độ, nhân lực hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và biện pháp thi công đã đề xuất. | Đạt |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên. | Không đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|------------------|
| 4.3 Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công trong điều kiện bình thường và bất thường. | Có biện pháp rõ ràng, cụ thể, phù hợp với biện pháp thi công kèm cam kết thực hiện đúng tiến độ đã đề ra. | Đạt |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|------------------|
| 5.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng thi công của gói thầu cho các công tác chính theo từng hạng mục theo mục 3.2. | Có sơ đồ quản lý chất lượng và biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công đối với từng hạng mục theo mục 3.2 | Đạt |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công. | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp thi công. | Đạt |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

6. An toàn lao động; phòng cháy chữa cháy; vệ sinh môi trường:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|-----------|
| 6.1. An toàn lao động, an toàn cho các hạng mục công trình xung quanh. | | |
| Biện pháp an toàn lao động theo các mục chính trong mục 3.2, an toàn cho các công trình khác hiện có trong quá trình thi công. | Có biện pháp Tổ chức đào tạo, kiểm tra an toàn lao động; Biện pháp đảm bảo an toàn lao động khi thi công; Biện pháp đảm bảo an toàn cho các công trình khác hiện có trong quá trình thi công. Có cam kết hoàn trả mọi thiệt hại do lỗi của nhà thầu trong quá trình thi công. | Đạt |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 6.2. Vệ sinh môi trường | | |
| Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường theo các hạng mục chính trong mục 3.2. | Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. Có cam kết đổ thải đúng nơi quy định theo yêu cầu của Chủ đầu tư. | Đạt |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 6.3. Phòng cháy chữa cháy | | |
| Biện pháp phòng cháy chữa | Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả | Đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|-------------------------|---|------------------|
| cháy | thì phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

7. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|------------------|
| 7.1. Bảo hành, bảo trì | | |
| Thời gian bảo hành và bảo trì công trình | Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng. Có kế hoạch, quy trình bảo hành, bảo trì cụ thể, phù hợp với gói thầu. | Đạt |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên. | Không đạt |
| 7.2. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu | | |
| Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | Nhà thầu không có tên trong danh sách nhà thầu vi phạm đấu thầu và không có các hành vi vi phạm trong quá trình tham dự thầu quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định 214/NĐ-CP. | Đạt |
| | Không đáp ứng các yêu cầu trên. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |